TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HSST
Ngày 24/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BẮC GIANG

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Xuân Hải;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

- Những người tiến hành tố tụng tại phiên tòa:

Thư ký phiên toà: Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký, Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 14/2019/HSST ngày 11/4/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2019/QĐXXST-HS ngày 10/5/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Hoàng Văn S, sinh năm 1989

Tên gọi khác: Không;

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: thôn Ng, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Bố đẻ: Hoàng Văn T, sinh năm 1949; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1954; Vợ: Vi Thị Mỹ L, sinh năm 1993, Đều trú quán: thôn Ng, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 48 ngày 21/9/2011 của Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 8 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/12/2011, chấp hành xong án phí ngày 11/01/2012.

Bị cáo tại ngoại, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa)

* Bị hại: Bà Bùi Thị Ch, sinh năm 1967. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Tống Văn Th, sinh năm 1971. (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn T 1, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các cài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ ngày 06/11/2018, Đào Duy Ng, sinh năm 1978 ở xóm Tr, xã T, huyện Ph, tỉnh Thái Ng điều khiển xe mô tô của Hoàng Văn S, sinh năm 1989 ở thôn Ng, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang chở S đi từ xã C đến Trung tâm y tế dự phòng huyện Y để uống thuốc cai nghiện. Khi đi đến địa phận thôn Q, xã T, huyện T, S thấy ở rìa đường phía bên tay phải theo chiều đi của S có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu S vàng- đen, biển kiểm soát 98H1-132.62 của chị Bùi Thị Ch, sinh năm 1967 ở thôn Q, xã T đang dựng ở đó. Theo S khai, sau khi nhìn thấy chiếc xe mô tô, thấy xung quanh không có ai nên S nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe bán lấy tiền ăn tiêu. S bảo Ng dừng xe lại thì Ng đồng ý. Sau đó S xuống xe còn Ng tiếp tục điều khiển xe đi. S tiến lại gần chiếc xe biển kiểm soát 98H1-132.62, dùng van phá khóa hình chữ T mang theo từ trước phá khóa xe, sau đó S ngồi lên xe nổ máy và điều khiển xe đến Trung tâm y tế dự phòng huyện Y. Khi đến Trung tâm y tế dự phòng huyện Y, S không thấy Ng đâu nên S lấy điện thoại gọi cho Ng bảo lên Trung tâm để uống thuốc. Sau khi S và Ng uống thuốc xong thì S điều khiển chiếc xe vừa trộm cắp được, Ng điều kiển xe mô tô của S đi về nhà S. Sau khi về đến nhà S, Ng tự mình tháo biển kiểm soát của chiếc xe mà S vừa trộm cắp được ra cất vào trong nhà ngang của gia đình S rồi lấy biển kiểm soát 98H1-129.27 ở trong nhà ngang lắp vào chiếc xe S vừa trộm cắp. Đến sáng ngày 07/11/2018, S mang chiếc xe trộm cắp được đến nhà anh Tống Văn Th, sinh năm 1971 ở thôn T 1, xã Ng, huyện T gửi lại xe cho anh Th để vay số tiền 3.500.000 đồng. Số tiền này S mang về đưa cho Ng 500.000 đồng, đến ngày 08/11/2018 S đưa tiếp cho Ng 900.000 đồng, số tiền còn lại S đã ăn tiêu cá nhân hết.

Ngày 29/11/2018, Cơ quan điều tra đã tạm giữ tại gia đình anh Tống Văn Th 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu vàng- đen, số máy 5C6H032887, số khung EY032865, đeo biển kiểm soát 98H1-129.27 và tạm giữ tại gia đình S 01 biển kiểm soát 98H1-132.62.

Tại Kết luận định giá tài sản số 61 ngày 22/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T định giá: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu S vàng- đen, biển kiểm soát 98H1-132.62, số máy 5C6H032887, số khung EY032865, xe cũ đã qua sử dụng, đăng ký ngày 22/7/2014 có giá 9.516.000 đồng.

Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra, Hoàng Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 09 tháng 4 năm 2019, của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận hành vi "Trộm cắp tài sản" của mình, lời thừa nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Hoàng Văn S về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Văn S từ 12 tháng đến 14 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Miễn phạt tiền cho bị cáo.

Về bồi thường dân sự: Công nhận sự thỏa thuận bị cáo trả cho anh Tống Văn Th số tiền 3.500.000 đồng

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Văn S tự bào chữa: Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang, truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất để cải tạo và sớm trở về gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tội danh, ngày 06/11/2018, Hoàng Văn S, sinh năm 1989, trú tại thôn Ng, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang đã có hành vi lén lút trộm cắp của của bà Bùi Thị Ch, sinh năm 1967 ở thôn Q, xã T, huyện T một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu S vàng- đen, biển kiểm soát 98H1-132.62 trị giá 9.516.000 đồng. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo S đã đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Như vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố cũng như lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Do đó, có đủ cơ sở xác định bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo Hoàng Văn S trong giai đoạn điều tra, truy tố, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có bố đẻ là thương binh. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của chủ sở hữu được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự, an ninh của nhân dân ở địa phương nói chung và của người bị hại nói riêng. Năm 2011 bị cáo đã bị xử phạt về hành vi "trộm cắp tài sản" nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm mà tiếp tục phạm tội, thể hiện bị cáo là người khó giáo dục. Do đó, HĐXX cần cân nhắc, xem xét một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cần bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội trong một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân lương thiện đồng thời mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

Bị cáo không có tài sản, thu nhập không ổn đinh nên cần miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

Đối với Đào Duy Ng, Ng không thừa nhận việc trộm cắp chiếc xe mô tô cùng với S mà khai nhận: Khi đi đến thôn Q, xã T, S bảo Ng dừng xe để S xuống trộm cắp tài sản (không biết là tài sản gì) nhưng Ng sợ nên không dừng lại, sau đó S nhảy xuống khỏi xe còn Ng vẫn tiếp tục điều khiển xe đi, việc S trộm cắp như thế nào Ng không biết. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, S gọi điện thoại cho Ng bảo lên Trung tâm y tế dự phòng huyện Y để uống thuốc cai nghiện. Khi Ng đi đến trung tâm y tế dự phòng huyện Y thì Ng thấy S đi một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu vàng đen. Sau khi uống thuốc xong, S và Ng đi về nhà S. Khi về nhà S, S nhờ Ng tháo biển kiểm soát chiếc xe S vừa đi về nhưng Ng không tháo. Sau đó S sử dụng chiếc xe này như thế nào Ng không biết. Ng không được S chia cho lợi ích gì từ chiếc xe. Cơ quan điều tra cũng đã tiến hành cho S và Ng đối chất nhưng không có kết quả nên không có căn cứ để xử lý Ng về hành vi trộm cắp tài sản.

Đối với anh Tống Văn Th, khi S đến nhà anh gửi lại chiếc xe mô tô Yamaha Sirius để vay 3.500.000 đồng, anh Th không biết chiếc xe do S trộm cắp mà có nên không vi phạm pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với chiếc xe mô tô S đã trộm cắp, quá trình điều tra xác định chiếc xe đăng ký tên anh Giáp Văn Đ, sinh năm 1991 (là con trai bà Ch), năm 2016 anh Đ đi làm ăn ở nước ngoài nên đã viết giấy tặng cho bà Ch chiếc xe này để làm phương tiện đi lại. Ngày 04/3/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho bà Ch chiếc xe này cùng biển kiểm soát, bà Ch không có yêu cầu gì về việc bồi thường thiệt hại nên HĐXX không đặt ra xem xét; Anh Tống Văn Th yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 3.500.000 đồng, bị

cáo nhất trí trả số tiền trên. Do đó, cần công nhận sự thỏa thuận trên bị cáo phải trả cho anh Th số tiền 3.500.000 đồng.

Về vật chứng: Đối với chiếc biển kiểm soát 98H1-129.27 S khai trước đó S đã nhặt được chiếc biển kiểm soát này và mang về để trong nhà ngang của gia đình mình. Quá trình điều tra xác định đây là biển kiểm soát của xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng đen bạc, tên chủ sở hữu là anh Triệu Văn T, sinh năm 1986 ở thôn Thái Hòa, xã Phúc Hòa, huyện T, anh T bị mất chiếc xe này năm 2017 và đã có đơn trình báo đến Công an huyện T. Xác định đây là vật chứng của một vụ án khác nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tách phần tài liệu liên quan đến chiếc biển kiểm soát này ra khỏi hồ sơ vụ án để điều tra, xử lý sau. Đối với chiếc xe mô tô S sử dụng đi trộm cắp tài sản, do S chỉ nhớ được đặc điểm của xe là xe kiểu dáng Wave màu S đỏ, không có biển kiểm soát, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, S đã bán chiếc xe này cho một người đàn ông không quen biết được 1.000.000 đồng nên không có căn cứ để điều tra xác minh về chiếc xe mô tô này. Đối với chiếc van phá khóa hình chữ T, S khai sau khi trộm cắp tài sản xong, S đã vứt đi, do S không nhớ đã vứt ở đâu nên không có căn cứ để truy tìm.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 231; 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 bộ luật hình sự; Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1, điểm f khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Phạt bị cáo Hoàng Văn S 14 (mười bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo phải trả cho anh Tống Văn Th số tiền 3.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền chậm trả ở thời điểm thanh toán.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- VKSND, THADS, Công an huyện;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo;
- Lưu.

Bùi Tư Duy